

Bản án số: 16/2022/HS - ST.  
Ngày: 10 - 6 - 2022.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH SÓC TRĂNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Chí Hường.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Đỗ Văn Quân.
- Ông Võ Quốc Hưng.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Vân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2022/TLST-HS, ngày 31 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HS, ngày 12 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh năm 1991, tại huyện C, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: không nghề nghiệp; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S (sống) và bà Đoàn Thị V (sống); bị cáo có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 24 tháng 12 năm 2021, chuyển sang tạm giam từ ngày 30 tháng 12 năm 2021 đến nay (bị cáo có mặt).

- Họ và tên: Nguyễn Thị T, sinh năm 1990, tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N (sống) và bà Huỳnh Thị T (sống); bị cáo có chồng, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 24 tháng 12 năm 2021, chuyển sang tạm giam từ ngày 30 tháng 12 năm 2021 đến nay (bị cáo có mặt).

*\* Bị hại:*

- Mạch Ngọc H, sinh năm: 1965; Cư trú tại: Ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- La Hoàng M, sinh năm: 1992; Cư trú tại: Ấp Nhà T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Thạch Thanh V, sinh năm: 1994; Cư trú tại: Ấp G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Lâm Thị P, sinh năm: 1975; Cư trú tại: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Võ Văn N, sinh năm: 1981; Cư trú tại: Ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Lý Đ, sinh năm: 1997; Cư trú tại: Ấp S, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

\* *Người làm chứng:*

- Nguyễn Vũ L, sinh năm: 1994; Cư trú tại: Ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1987; Cư trú tại: Ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 22/12/2021, Nguyễn Văn T cùng với Nguyễn Thị T1 chạy xuồng từ thị trấn C lên đầu Cồn C thuộc ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng ra sông H và neo đậu xuồng trước một cái xẻo nhỏ. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, T nói với T1 “Trong xẻo có một chiếc ghe và máy, mình lấy trộm ghe và máy” thì T1 đồng ý. T và T1 quan sát không thấy ai, lúc này T1 đứng trên xuồng của mình quan sát còn T thì lên bờ đi bộ vào trong xẻo. Khi đến chiếc ghe tam bản bằng gỗ và trên ghe có 01 máy xăng không rõ nhãn hiệu màu cam, găng với giàn láp dài 3,3 m và chân vịt 02 cánh, đã qua sử dụng của ông Mạch Ngọc H, sinh năm 1965 ở ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng đang đậu dưới bến gần nhà không có ai trông giữ, T mở dây cột ghe (loại dây bô), T lên ghe lấy dây dầm có sẵn trên ghe bơi ra cặp sát xuồng của T và khiêng cái máy trộm được để qua xuồng của T. Chiếc ghe thì T cặp sát ghe của T và chạy về thị trấn C. Khi qua cầu B, T và T1 giấu chiếc ghe trộm được trong một cái xẻo bên bờ thuộc xã A và đậu nghỉ tại đó. Đến khoảng 07 giờ sáng ngày 23/12/2021, T và T1 đem cái máy trộm được lên chợ B bán cho bà Lâm Thị P (sinh năm 1975, nơi cư trú: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng) với số tiền 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng) bán máy xong. T và T1 chạy xuồng đến chỗ giấu chiếc ghe trộm được đậu nghỉ đến tối đi câu. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Nguyễn Vũ L (L là em ruột của T) và Nguyễn Thị T2 (T2 là chị ruột của T1) chạy xuồng lại đậu cặp xuồng của T. Khi gặp L, T kể cho L nghe việc lấy trộm được xuồng máy, đã bán cái máy ở chợ B và nói cho L chiếc ghe vừa trộm được cho vợ chồng L sử dụng làm phương tiện sinh sống. Khoảng 19 giờ tối ngày 23/12/2021, T và T1, L và T2 đi trên hai chiếc xuồng chạy hướng ra biển thì lực lượng Công an truy đuổi, L và T2 chạy xuồng vào bờ bỏ xuồng, máy lại lên bờ chạy trốn, còn T và T1 thì bị lực lượng Công an bắt giữ và thu giữ chiếc

ghe mà T và T1 lấy trộm được vào đêm ngày 22/12/2021 của ông Mạch Ngọc H tại ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài vụ trộm cắp tài sản trên, bị cáo T và bị cáo T1 khai nhận hai lần thực hiện việc trộm tài sản trên địa bàn huyện T, tỉnh Sóc Trăng cụ thể:

Vào tối ngày 15/9/2021, Nguyễn Văn T đậu ghe ở gần cầu kinh B thuộc thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, T chạy ghe chở theo vợ là Nguyễn Thị T1 từ cầu Kinh B theo hướng B rồi ra kênh dọc theo lộ nhựa đi L vòng qua đường kênh nhỏ kênh H chạy về hướng Cống M thuộc ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng để tìm tài sản lấy trộm, lúc này T phát hiện có chiếc vỏ lãi hiệu Composite có cùng máy xăng hiệu Honda 5.5HP của ông La Hoàng M (sinh năm 1962, ngụ ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng) đậu ở dưới kênh gần nhà không có người trông coi. Đến khoảng 21 giờ, T đậu ghe cách vỏ lãi khoảng 60 – 70 mét, T1 ngồi ở trên ghe để quan sát canh đường, T lội qua kênh đi lại chỗ vỏ lãi. T tháo dây xích buộc vỏ lãi rồi kéo chiếc vỏ lãi đến chỗ ghe đang đậu và vòng chiếc vỏ lãi đến khu vực gần cầu H, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng rồi đậu ghe lại ngủ. Đến khoảng 08 giờ sáng ngày 16/9/2021 T bán chiếc vỏ lãi và máy vừa lấy trộm được cho ông Lý Đ với số tiền là 4.500.000 đồng sau đó T đưa cho T1 1.000.000 đồng, số tiền còn lại T tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 30/9/2021, Nguyễn Văn T đậu ghe gần cống B để mua đồ dùng thì phát hiện chiếc vỏ lãi hiệu Composite cùng máy xăng hiệu Honda 7.5HP của ông Thạch Thanh V, sinh năm 1994 ở ấp G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng đang đậu gần cống B không ai canh giữ, T và T1 nảy sinh ý định lấy trộm. Khoảng hơn 21 giờ cùng ngày T đậu xuống ngoài vàm cống B đợi đến khi nước ròng T lội dưới kênh để đi đến chỗ vỏ lãi tháo sợi dây cột vỏ lãi rồi leo lên vỏ lãi bơi ra ngoài sông H cách chỗ lấy vỏ lãi khoảng 500 mét, T cùng vợ Nguyễn Thị T1 chạy vỏ lãi về địa phận huyện C, tỉnh Sóc Trăng vào R về B thuộc thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, T đậu vỏ lãi và máy trên sông B. T đem cái vỏ lãi với cái máy trộm được đổi cho Võ Văn N, sinh năm 1981 (nơi cư trú: Ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng), để lấy ghe và máy của ông N, đồng thời ông N đưa thêm cho T số tiền 3.000.000 đồng.

Tại Kết luận Hội đồng định giá tài sản số: 21/2021/KL.HĐĐG ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng kết luận: 01 chiếc ghe (loại ghe tam bản) chất liệu gỗ có giá trị thực tế là 3.350.000 đồng (ba triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng); 01 máy xăng không rõ nhãn hiệu, màu cam, gắn với giàn lái dài 3,3 m và chân vịt 02 cánh, đã qua sử dụng có giá trị thực tế là 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng).

Tại Kết luận Hội đồng định giá tài sản số 41/2021/KL.HĐĐG và số 42/2021/KL.HĐĐG cùng ngày 20/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: 01 vỏ lãi composite trọng tải 02 tấn và 01 máy xăng hiệu Honda 7,5HP có giá trị còn lại là 22.300.000 đồng (hai mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng); 01 chiếc vỏ lãi composite, chiều dài 6,3 m, chiều rộng nhất 0,85 m, 01 máy xăng hiệu Honda 5,5HP, bình xăng màu trắng, mặt nạ màu đỏ cùng với dàn lái có giá trị còn lại là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Tại Cáo trạng số 05/CT-VKSCLD ngày 29/3/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, đã sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng giữ nguyên quyết định truy tố đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Xem xét, trong quá trình giải quyết vụ án các bị cáo đã thành khẩn khai báo, khi bị bắt vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện C, tỉnh Sóc Trăng, thì các bị cáo khai nhận đã hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn T: Cần áp dụng cho bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm r, s khoản 1 Điều 51, bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52; áp dụng Điều 17; Điều 58, Điều 101, khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; đề nghị tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T. Đề nghị buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị T1: Cần áp dụng cho bị cáo T1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm r, s khoản 1 Điều 51, bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52; áp dụng Điều 17; Điều 58, Điều 101, khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; đề nghị tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thị T1 từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T1. Đề nghị buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn Thị T1 thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

- Bị hại ông Mạch Ngọc H, ông Thạch Thanh V và ông La Hoàng M khai: Các ông đã được cơ quan Công an trả lại tài sản mà bị cáo T và bị cáo T1 đã lấy trộm. Các bị hại không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lâm Thị P yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 80.000 đồng; ông Võ Văn N yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 3.000.000 đồng; ông Lý Đ không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo T và T1 đã ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với những bị hại là ông La Hoàng M và ông Thạch Thanh V; người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lâm Thị P và ông Lý Đ vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trước đó ông M, ông V, bà P và ông Đ đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, việc vắng mặt của họ tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Đối với lời khai nhận tội và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo T và T1, xét thấy lời thừa nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thể hiện là người bình thường đủ năng lực hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị T1 đã trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi của các bị cáo cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, Cáo trạng số 05/CT-VKS.CLD, ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử cũng sẽ áp dụng một mức hình phạt tương xứng đối với các bị cáo, để có tác dụng trừng trị, giáo dục các bị cáo thành người có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân. Đối với các bị cáo cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc để các bị cáo có thời gian sửa chữa lỗi lầm, cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội. Để có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, khi quyết định hình phạt cần xem xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo như: Khi bị bắt vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện C, tỉnh Sóc Trăng, thì các bị cáo khai nhận đã hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên các bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Các bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc các bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

[5] Xét vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công vai trò trước. Bị cáo T là người khởi xướng, khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản T là người trực tiếp thực hiện, T là người quan sát xung quanh để T lấy trộm tài sản, nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét để có mức hình phạt đối với từng bị cáo, tương xứng với hành vi phạm tội.

[6] Đối với việc Viện kiểm sát nhân dân huyện C đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 01 (một) năm tù đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Xét thấy, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là người phạm tội tự thú và người phạm tội thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, bị cáo đã thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện C và 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện T nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, chứng tỏ rằng bị cáo không ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của bị cáo, vì vậy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đối với việc Viện kiểm sát nhân dân huyện C đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T1 từ 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù. Xét thấy, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là người phạm tội tự thú và người phạm tội thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, bị cáo đã thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện C và 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện T nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, chứng tỏ rằng bị cáo không ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của các bị cáo, vì vậy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì các bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung bằng tiền. Tuy nhiên, xét điều kiện hoàn cảnh của các bị cáo không có thu nhập ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

- Tại phiên tòa và lời khai tại Cơ quan điều tra các bị hại Mạch Ngọc H, Thạch Thanh V và La Hoàng M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lý Đ không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Tại phiên tòa và lời khai tại Cơ quan điều tra những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lâm Thị P yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 800.000 đồng; ông Võ Văn N yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 3.000.000 đồng, các bị cáo T, bị cáo T1 thống nhất với yêu cầu của bà P, ông N. Xét thấy, số tiền là của bà P và ông N do đó cần buộc các bị cáo trả lại số tiền cho bà Lâm Thị P và ông Võ Văn N theo các điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[10] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tạm giữ các tài sản và đã trả lại cho các bị hại nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[11] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị T1 là người bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn Thị T1 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (*một*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/12/2021.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 06 (*sáu*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/12/2021.

4. Về trách nhiệm dân sự:

4.1 Bị hại Mạch Ngọc Hai, Thạch Thanh V và La Hoàng M không yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị T bồi thường gì về trách nhiệm dân sự, nên không đặt ra xem xét.

4.2 Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điều 357, 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị T1 liên đới trả cho bà Lâm Thị P số tiền 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng) và trả cho ông Võ Văn N số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Lâm Thị P và ông Võ Văn N có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo Nguyễn Thị T1 không thực hiện việc trả tiền thì bị cáo T và bị cáo T1 còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành án.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử buộc các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*). Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn Thị T1 chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị T, bị hại ông Mạch Ngọc H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; các bị hại ông La Hoàng M, ông Thạch Thanh V; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị P, ông Lý Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Công an huyện Cù Lao Dung;
- Cơ quan THAHS huyện C;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Chí Hương**